

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/DS-PT  
Ngày: 10 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Tuyền.

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 537/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Tấn H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số B, Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963; Là người đại diện theo ủy quyền; Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2023. (có mặt)

Địa chỉ: Số E, Đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Anh Phan Tấn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Q trình bày:*

Ông có phần đất thửa 790A, diện tích 636m<sup>2</sup> tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-12-1989 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cá nhân ông. Nguồn gốc phần đất này là do ông nhận chuyển nhượng của Ban chỉ huy quân sự tỉnh T. Ngoài ra, ba ông là Nguyễn Văn B Lạc có một phần đất khác, ông L có cho em ruột của ông L là Nguyễn Văn T1 (Chú năm của ông) một phần khoảng 4200m<sup>2</sup>, sau đó ông T1 bán lại cho bà Bùi Thị T2 hết phần đất này vào năm 1969. Phần còn lại là bãi bồi nằm ngoài sông, ông L để lại cho ông. Phần của ông T1 chỉ được quyền sử dụng phần 4200m<sup>2</sup> trở vào bên trong, không được lấn ra phần bãi bồi của ông. Lúc đó, ranh giới hai bên là bờ bao. Sau này, Nhà nước làm đường H là nằm ngay vị trí bờ bao giữa phần đất của ông và đất bà T2. Phần đất của bà T2 nay để lại cho anh Phan Tấn H thừa hưởng. Vì vậy, nay giáp ranh với phần đất của ông là đường huyện lộ 70, sang bên kia lộ mới là đất của anh H. Tuy nhiên, anh H lại sử dụng phần đất cấp huyện lộ 70 trên đất của ông (Sau khi đã trừ hành lang lộ giới), lấn vào đất của ông với chiều ngang 03m, dài hết thửa đất của ông. Do đó, nay ông yêu cầu anh H phải trả lại cho ông phần đất nay được đo đạc thực tế có diện tích 165,1m<sup>2</sup> theo bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19-9-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc thửa đất 790A của ông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Tạ Kim T trình bày:*

Anh Phan Tấn H có thửa đất 198, tờ bản đồ 32, diện tích 1002,6m<sup>2</sup> tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc phần đất này là của bà ngoại anh H là bà Bùi Thị T2 để lại cho mẹ anh H là Nguyễn Thị B1 và nay bà B1 đã tặng cho lại cho anh H. Trước đây, giữa đất của anh H và đất ông Q nằm liền kề với nhau, đất ông Q là đầm tôm, và từ đất ông Q đến chân lộ là 03m, sau đó lộ bị sạt lở vào 1,5m hướng vào đất của anh H nên Nhà nước dời lộ vào. Khi Nhà nước dời lộ vào thì phần đất của anh H còn nằm ngoài Đường huyện 70 có chiều ngang 03m, dài dọc theo hết thửa đất, có diện tích khoảng hơn 90m<sup>2</sup>. Khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh H có hỏi vì sao không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H thì cơ quan có thẩm quyền cho rằng diện tích nhỏ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Do đó, nay anh H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Q.

**Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:**

Căn cứ vào các khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Q.

- Buộc anh Phan Tấn H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành Q phần đất có diện tích 165,1m<sup>2</sup> trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, là một phần của thửa đất 790A, tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-12-1989 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Q. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp: Đất bãi bồi;
- + Phía Tây giáp: Đất bãi bồi;
- + Phía Nam giáp: Phần còn lại của thửa 790A;
- + Phía Bắc giáp: Đường H.

*Có sơ đồ kèm theo.*

- Buộc ông Nguyễn Thành Q có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 04 cây mít loại B1 là 7.424.000 đồng, 02 cây mít loại D là 1.138.000 đồng và một nửa chi phí di dời: 03 cây kiểng có đường kính 10 đến 20cm là 830.000 đồng, 14 cây kiểng có đường kính 20 đến 30cm là 5.460.000 đồng. Tổng cộng ông Q phải trả cho anh H số tiền 14.852.000 (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

- Buộc anh Phan Tấn H có nghĩa vụ di dời 03 cây kiểng có đường kính 10 đến 20cm và 14 cây kiểng có đường kính 20 đến 30cm để giao trả đất cho ông Q. Ông Q được quyền sở hữu 04 cây mít loại B1 và 02 cây mít loại D trên đất.

**Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.**

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Phan Tấn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Ủy ban nhân dân huyện không có thẩm quyền để xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào, mà cần thu thập tại Ủy ban nhân dân xã N để xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào. Ông Q khởi kiện yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm 90m<sup>2</sup>, công văn của Ủy ban nhân dân, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C xác định phần đất tranh chấp là đất bãi bồi không phải đất của ông H, Ủy ban chưa lập hồ sơ, chưa giao cho ai. Do đó cần phải thu thập tại Ủy ban nhân dân xã để xác định đất thuộc thửa nào và có được cấp cho ai hay không, cấp phúc thẩm

không thể khắc phục được. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại, do hủy án nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Q yêu cầu bị đơn ông Phan Tấn H phải trả lại cho ông phần đất nay được đo đạc thực tế có diện tích 165,1m<sup>2</sup>, sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “quyền sử dụng đất”, phần đất tranh chấp tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do vậy căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Tấn H đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Phan Tấn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H:

Theo ông Nguyễn Thành Q có quyền sử dụng phần đất diện tích 636m<sup>2</sup>, thửa số 790A tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/12/1989. Ngoài ra, ba ông là Nguyễn Văn B Lạc có một phần đất khác, ông L có cho em ruột của ông L là Nguyễn Văn T1 (Chú năm của ông) một phần khoảng 4200m<sup>2</sup>, sau đó ông T1 bán lại cho bà Bùi Thị T2 hết phần đất này vào năm 1969. Phần còn lại là bãi bồi nằm ngoài sông, ông L để lại cho ông. Ông yêu cầu ông H trả lại cho ông theo đo đạc thực tế có diện tích 165,1m<sup>2</sup> theo bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc thửa đất 790A của ông.

Tuy nhiên phần đất diện tích 636m<sup>2</sup>, thửa số 790A tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/12/1989, đến thời điểm hiện tại diện tích 636m<sup>2</sup> vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đỏ theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ năm 1993, 2003, 2013. Diện tích đất 636m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng là loại đất bãi bồi. Theo sổ mục kê ruộng đất được lập ngày 05/9/1984 không thể hiện ông Nguyễn Thành Q có kê khai đối với thửa đất 790A diện tích 636m<sup>2</sup>.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 thông tư số 09/2013/BTNMT ngày 28/5/2013 của Bộ T3 quy định: “Đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển đã đưa vào sử dụng trước ngày Thông tư này có hiệu

lực thi hành. b) Khi hết thời hạn giao đất, nếu người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng, chấp hành đúng pháp luật về đất đai trong quá trình sử dụng và việc sử dụng đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt thì được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đất không thu tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất với thời hạn giao đất là hai mươi (20) năm đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối; thời hạn giao đất là năm mươi (50) năm đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất.” Đến thời điểm hiện tại thì ông Q không có giấy tờ gì thể hiện ông được giao quyền sử dụng diện tích đất bồi bồi tại thửa 790A.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng ông Q được giao  $636m^2$ , diện tích theo đo đạc thực tế của ông Q hiện nay là  $1.074,3m^2$  chưa tính phần tranh chấp  $165,1m^2$ , nếu tính luôn phần tranh chấp là  $1.239,4m^2$ . Ông Q cho rằng phần đất tranh chấp  $165,1m^2$  nằm trong thửa 790A của ông là do ông Nguyễn Văn B Lạc cho ông, nhưng ông Q không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là phần tranh chấp  $165,1m^2$  là thuộc quyền sở hữu của ông L, cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông L có đăng ký kê khai đối với phần đất tranh chấp.

Tòa án nhân dân huyện C đã có các Công văn số 289 ngày 31/10/2023, số 10 ngày 15/01/2024, số 42 ngày 14/3/2024, số 85 ngày 17/4/2024, số 247 ngày 25/7/2024 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cho biết các nội dung: Ông Nguyễn Thành Q hiện nay còn quyền sử dụng đối với thửa đất 790A tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/1989 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Q hay không. Nếu được quyền sử dụng thì được sử dụng  $636m^2$  theo giấy chứng nhận, hay được sử dụng  $1.239,4m^2$  theo đo đạc thực tế theo Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Vị trí thửa đất 790A của ông Q nêu trên có nằm tiếp giáp với đường huyện 70 hay không, nếu có thì nằm ở vị trí nào theo Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Tại công văn số 1250/UBND-TNMT ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Q với ông H: Qua xem xét nội dung Báo cáo số 758/BC-PTNMT ngày 15/7/2024 của phòng T về việc đề xuất có ý kiến đối với việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất” giữa ông Nguyễn Thành Q với ông Phan Tấn H. Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến như sau:

Theo Công văn số 1078/CNVPĐKĐĐ-ĐKCG-LT ngày 05/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C có nội dung:

- Thửa đất số 790A là bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ tài liệu bản đồ này Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện không có lưu trữ. Hiện nay tài liệu 299 lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện là tài liệu đã được đánh số thửa mới lại sau này.

- Theo Bản đồ địa chính khu đất (trích đo) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 19/9/2022 là do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện phối hợp đo đạc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện. Theo bản đồ địa chính chính quy, phần đất này là đất bãi bồi từ đất thủy lợi Sông T chưa hình thành thửa đất và chưa có số hiệu thửa đất trong bản đồ địa chính chính quy.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 thông tư số 09/2013/BTNMT ngày 28/5/2013 của Bộ T3 quy định: Đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển chưa thống kê, kiểm kê, đo đạc, lập hồ sơ quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đo đạc, lập hồ sơ địa chính để quản lý đối với đất bãi bồi ven sông; Sở T4 có trách nhiệm đo đạc, lập hồ sơ địa chính để quản lý đối với đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển.

Theo quy định tại thông tư số 05/2015/BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T3 và môi trường “Điều 3 lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đối với đất đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển. 1. Đối với các địa phương mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thể hiện nội dung sử dụng đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm tổ chức việc rà soát để điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tại Điều 4 giao, cho thuê đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển 1. Đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển chưa sử dụng được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao, cho thuê; đất có mặt nước ven biển chưa sử dụng được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho thuê để sử dụng vào mục đích nào thì chế độ sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai đối với mục đích đó.”

Cơ quan có thẩm quyền đã xác định phần đất này là đất bãi bồi từ đất thủy lợi Sông T chưa hình thành thửa đất và chưa có số hiệu thửa đất trong bản đồ địa chính chính quy. Ông Q không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh phần diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông hay là được nhà nước công nhận, giao đất, cho thuê đất theo quy định của luật đất đai và ông Q cũng không phải là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất trên mà đất là do ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ông Q thừa nhận cây trồng, cây kiềng đều do anh H trồng. Trên phần đất tranh chấp có 04 cây mít loại B1 có giá trị 7.424.000 đồng, 02 cây mít loại D có giá trị 1.138.000 đồng; 03 cây kiềng có đường kính 10 đến 20cm chi phí di dời là 1.660.000 đồng, 14 cây kiềng có đường kính 20 đến 30cm chi phí di dời là 10.920.000 đồng.

Án sơ thẩm căn cứ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ để xác định, phần đất 165,1m<sup>2</sup> mà ông Q yêu cầu anh H phải trả thuộc tờ bản đồ 32, là một phần của thửa đất 790A, tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-12-1989 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Q là chưa có căn cứ. Việc Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ là xem thực tế trên phần đất tranh chấp hiện trạng cụ thể như thế nào còn việc xác định đất tranh chấp thuộc thửa đất nào là của cơ quan chuyên môn. Công văn số 1078/CNVPĐKĐĐ-ĐKCG-LT ngày 05/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đã xác định đất tranh chấp là đất bãi bồi từ đất thủy lợi Sông T chưa hình thành thửa đất và chưa có số hiệu thửa đất trong bản đồ địa chính chính quy. Do đó án sơ thẩm căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là chưa có căn cứ, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ phân tích yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: do sửa án nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Tấn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Q.

Về việc buộc anh Phan Tấn H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành Q phần đất có diện tích 165,1m<sup>2</sup> trên Bản đồ địa chính khu đất (Trích đo) ngày 19-9-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành Q chịu 6.408.110 đồng, ông Q đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành Q được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0000047 ngày 29-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Phan Tấn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0016814 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**